

Số: 300/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 400/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1984; ĐKNKTT: Số A Hẻm B đường K, phường K, thành phố Hà Nội.

2- Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1989; ĐKNKTT: Số A Hẻm B đường K, phường K, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thu H kết hôn ngày 23/02/2012 tại UBND phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là UBND phường C, tỉnh Lào Cai). Anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Nay chị H, anh D xác định tình cảm vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên xin thuận tình ly hôn. Xét việc anh chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của anh chị, cho anh chị được thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 04/12/2013. Ly hôn anh chị thỏa thuận chị H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương L. Chi Hiền không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thu H phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Tiến D** và chị **Nguyễn Thu H**.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là cháu **Nguyễn Phương L**, sinh ngày 04/12/2013. Giao cháu **Nguyễn Phương L** cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **D** đến khi chị **H** có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh **Nguyễn Tiến D** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nhà ở:* Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- *Về nợ chung:* Anh chị không có nên không xét.

2- Về lệ phí: Anh **Nguyễn Tiến D** và chị **Nguyễn Thu H** phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị **H** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí chị **Nguyễn Thu H** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Tòa án số 0007183 ngày 26/3/2026. Chị **H** đã nộp đủ lệ phí.

3- Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phương T